

Bản án số: **28/2023/HS-ST**
Ngày: 28 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Sơn và ông Trần Văn Thăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Văn Đ.** Tên gọi khác: không có. Sinh ngày 01/01/1969 tại huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Số căn cước công dân: 05109018874; Con ông Nguyễn X (liệt sĩ) và bà Trương Thị M (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 và có 03 con. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn A, Luật sư Văn phòng luật sư Lê Văn A thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ (có mặt).

- Bị hại: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1935. Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Hồ Văn N, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

+ Bà Hồ Thị B, sinh năm 2002. Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình đi bán các đồ dùng đồng hồ, máy radio, dao cạo râu... thì bị cáo Nguyễn Văn Đ có quen biết với ông Trần Ngọc T và thường hay vào nhà ông T thì bị cáo biết được ông T có thu nhập từ lương hưu, hơn nữa tuổi ông T đã cao, thường ở nhà một mình và thích đeo dây chuyền nên bị cáo nảy sinh ý định lừa bán dây chuyền giả vàng cho ông T để chiếm đoạt tiền của ông T. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến ngày 11/01/2023, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã thực hiện hành vi lừa bán dây chuyền giả vàng cho ông Trần Ngọc T, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 10 năm 2022, bị cáo mua một sợi dây chuyền giả vàng tại chợ Q1 với giá 150.000 đồng. Trong quá trình đi bán dạo tại xã T, bị cáo vào nhà ông T đưa cho ông T xem sợi dây chuyền đã mua tại chợ Q1 trước đó, đồng thời nói với ông T dây chuyền được làm từ vàng non, do công ty làm và hỏi ông T có mua sợi dây chuyền không. Sau khi xem sợi dây chuyền thì ông T nói “*vàng giả, không mua*”. Bị cáo liền trả lời “*vàng mà ai làm giả*”. Nói xong, bị cáo tự lấy dây chuyền đeo vào cổ ông T rồi giả vờ khen sợi dây chuyền này ông T đeo đẹp, ông T nghe bị cáo nói vậy thì đồng ý mua sợi dây chuyền. Ông T hỏi giá tiền của sợi dây chuyền thì bị cáo trả lời sợi dây chuyền này 02 chỉ vàng, giá 01 chỉ là 2.500.000 đồng, giá sợi dây chuyền là 5.000.000 đồng. Ông T lấy tiền đưa cho bị cáo 5.000.000 đồng, lấy tiền xong thì bị cáo tiếp tục đi bán dạo.

Lần thứ hai: Khoảng 10 ngày sau khi lừa bán dây chuyền giả vàng cho ông T, bị cáo tiếp tục đến chợ Q1 mua một sợi dây chuyền giống sợi dây chuyền đã lừa bán cho ông T trước đó. Sau khi mua sợi dây chuyền, bị cáo đi đến nhà ông T để tiếp tục lừa bán sợi dây chuyền cho ông T. Khi vào nhà, bị cáo nhìn thấy ông T đang ở nhà bếp nên đi thẳng xuống ngồi nói chuyện với ông T được một lúc thì lấy sợi dây chuyền từ trong ba lô ra đưa ông T xem và hỏi ông T có mua sợi dây chuyền không. Ông T trả lời là không mua. Bị cáo tiếp tục năn nỉ ông T mua dây chuyền cho con cháu đeo. Một lúc sau, ông T đồng ý mua sợi dây chuyền và hỏi giá sợi dây chuyền. Bị cáo nói dây chuyền giả vàng này giá tiền bằng với giá tiền dây chuyền đã bán cho ông T lần trước, có giá là 5.000.000 đồng. Ông T lấy tiền đưa cho bị cáo 5.000.000 đồng. Sau khi lấy tiền xong, thì bị cáo liền đi ra khỏi nhà ông T.

Lần thứ ba: Ngày 11/01/2023, bị cáo đến nhà ông T để tiếp tục thực hiện việc bán vàng giả với mục đích là đem sợi dây chuyền đến nhà ông T đổi lấy hai dây chuyền đã bán cho ông T trước đó. Vì vào lần thứ hai bán dây chuyền giả vàng cho ông T, bị cáo thấy sợi dây chuyền lần thứ nhất ông T đang đeo trên cổ bị phai màu. Lo ngại bị ông T phát hiện dây chuyền không phải vàng thật nên bị cáo đến chợ Q1 mua một sợi dây chuyền khác để bán cho ông T nhằm đổi lại hai sợi dây chuyền bán trước đó. Khi vào nhà, bị cáo không thấy ai ở nhà, nhìn vào phòng ngủ thì thấy ông T đang nằm trong đó và đi vào phòng ngủ đưa cho ông T xem một sợi dây chuyền và nói “*có tiền mua sợi dây chuyền ni nữa nê*” ông T trả lời “*không có tiền*”. Bị cáo nói tiếp “*mua giúp đi*” nhưng ông T tiếp tục trả lời “*không có tiền*”.

Sau đó, bị cáo nói dây chuyền này 03 chỉ vàng, giá 13.000.000 đồng. Bị cáo nói ông T đưa lại hai sợi dây chuyền đã mua trước đó có tổng số tiền là 10.000.000 đồng và bù thêm 3.000.000 đồng để lấy sợi dây chuyền mới. Nghe bị cáo nói vậy thì ông T liền lấy hai sợi dây chuyền cũ và 3.000.000 đồng đưa cho bị cáo và lấy sợi dây chuyền mới. Chiều ngày 12/01/2023, ông T lấy một đầu sợi dây chuyền hơ vào ngọn lửa để kiểm tra vàng thật hay không, khi đốt thì đầu sợi dây chuyền bốc cháy và chuyển sang màu đen. Lúc đó thì ông T biết bị cáo lừa bán vàng giả.

Khoảng 08 giờ ngày 14/01/2023, bị cáo vào nhà ông Trần Ngọc T thì thấy ông T đang ngồi ghế ở nhà trên. Lúc đó anh Hồ Văn N, là cháu ngoại của ông T và chị Hồ Thị B, là cháu dâu của ông T cũng có mặt tại nhà ông T. Bị cáo vừa vào nhà thì ông T hỏi *“có hàng hiếm không”*. Bị cáo liền lấy chiếc nhẫn kim loại màu vàng ra đưa cho ông T xem, lúc đó anh N bảo bị cáo đưa chiếc nhẫn cho anh N xem. Sau khi xem nhẫn thì anh N nói *“nhẫn vàng sao nhẹ vậy”* thì bị cáo nói *“nhẫn này 05 phân vàng”*. Ông T lấy bật lửa ra đốt chiếc nhẫn thì bị cáo giật lại. Ông T lấy sợi dây chuyền mà bị cáo bán cho ông vào ngày 11/01/2023 đã bị đốt một đầu đưa cho bị cáo xem. Ông T nói *“Sao mày bán vàng giả cho ta”* và dọa đánh thì bị cáo nói *“Thôi! Thôi! vàng có mấy đồng lắm”* và *“Thôi đừng đánh tội cháu, để cháu về ăn tết với gia đình, cháu lỡ bán cho bác thôi để cháu gửi tiền lại cho bác”*. Nói xong bị cáo rút tiền trong ví ra đưa cho ông T 1.000.000 đồng nhưng ông T không lấy, sau đó bị cáo rút thêm tờ 500.000 đồng đưa cho ông T nhưng ông T vẫn không lấy. Bị cáo tiếp tục rút thêm tờ 500.000 đồng đưa cho ông T nhưng ông T vẫn không lấy. Thấy ông T không lấy tiền, bị cáo liền nói với ông T là đi bán kiếm thêm vài đồng rồi quay lại trả tiền cho ông T nhưng anh N rút chìa khóa xe không cho bị cáo đi. Anh N bảo bị cáo gọi điện cho người nhà đem tiền qua trả lại nếu không thì báo Công an. Bị cáo nghe nói báo Công an thì xách ba lô bỏ đi, để xe máy lại. Thấy bị cáo bỏ đi thì ông T đến Công an xã T trình báo sự việc.

Tại bản kết luận giám định số 169/KL-KTHS ngày 10/02/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận về đối tượng giám định như sau:

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 61 cm, gồm các móc xích dạng hình vuông rộng trung bình 3 mm và 12 móc xích dạng ống trụ tròn dài 8 mm nối với nhau (ký hiệu là A1) được cấu thành từ các kim loại, hàm lượng trung bình của từng kim loại như sau: Sắt (F) là 72,3%, C (C) là 17,3%, N1 (N) là 8,9% và M1 (M) là 1,5%; khối lượng mẫu là 17,31 gam.

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 61 cm, gồm các móc xích dạng hình vuông rộng trung bình 3 mm và 12 móc xích dạng ống trụ tròn dài 8 mm nối với nhau (ký hiệu là A2) được cấu thành từ các kim loại, hàm lượng trung bình của từng kim loại như sau: Sắt (F) là 72,2%, C (C) là 17,4%, N1 (N) là 8,9% và M1 (M) là 1,5%; khối lượng mẫu là 17,64 gam.

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 49,7 cm, gồm các móc xích dạng dẹp nối với nhau, một đầu của sợi dây chuyền có màu đen đoạn 2,5 cm (ký hiệu A4) được cấu thành từ các kim loại, hàm lượng trung bình của từng

kim loại như sau: Đồng (Cu) là 88,5%, N1 (N) là 11,5%, khối lượng mẫu là 21,19 gam.

- 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có số “999”, đường kính mặt trong là 1,7 cm, đường kính mặt ngoài là 1,9 cm; bề rộng nhẫn là 3 mm (ký hiệu A3) được cấu thành từ các kim loại, hàm lượng trung bình của từng kim loại như sau: Đồng (Cu) là 69,5%, K (Z) là 30,5%; khối lượng mẫu là 1,34 gam.

- 02 (hai) chiếc bông tai hình tròn bằng kim loại, màu vàng – trắng, đều có đường kính 2,4 cm (ký hiệu A5) được cấu thành từ các kim loại, hàm lượng trung bình của từng kim loại như sau: Đồng (Cu) là 63,5%, K (Z) là 30,5%, N1 (N) là 6%, có tổng khối lượng mẫu là 4,02 gam.

- 01 (một) chiếc bông tai hình tròn bằng kim loại, màu vàng, có đường kính 1,1 cm (ký hiệu A6) được cấu thành từ các kim loại, hàm lượng trung bình của từng kim loại như sau: Đồng (Cu) là 62,29%, K (Z) là 27,3%, N1 (N) là 10,5%, có khối lượng mẫu là 0,45 gam.

- 01 (một) chiếc bông tai hình tròn bằng kim loại, màu vàng; có đường kính 1,1 cm (ký hiệu A6), có gắn vật hình trái tim bằng kim loại, màu vàng, trên có đính hạt chất màu đỏ (ký hiệu A6) được cấu thành từ các kim loại, hàm lượng trung bình của từng kim loại như sau: Đồng (Cu) là 62,2%, K (Z) là 27,3%, N1 (N) là 10,5%; có khối lượng mẫu là 0,99 gam (tính cả khối khối lượng hạt chất màu đỏ).

Kết quả giám định thành phần và hàm lượng kim loại trong các mẫu giám định nêu trên không có thành phần kim loại vàng.

Bản cáo trạng số 23/CT-VKS-BTM ngày 07 tháng 09 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 điều 174; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g, i khoản 1 điều 52 và điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại ông Trần Ngọc T đã được bị cáo bồi thường số tiền là 13.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì được dán kín; mặt trước phong bì có in dòng chữ “BỘ CÔNG AN VIỆN KHOA HỌC HÌNH SỰ SỐ 169/KL-KTHS”; mặt sau tại mép dán của phong bì niêm phong có hình dấu tròn màu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, chữ ký và tên của Phạm

Thị Thu P và Đặng Văn Q; bên trong phong bì chứa các mẫu vật và vỏ bao gói đối tượng giám định được hoàn trả bao gồm: 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 61 cm, gồm các móc xích dạng hình vuông rộng trung bình 3 mm và 12 móc xích dạng ống trụ tròn dài 8 mm nối với nhau có khối lượng mẫu là 17,25 gam. 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 61 cm, gồm các móc xích dạng hình vuông rộng trung bình 3 mm và 12 móc xích dạng ống trụ tròn dài 8 mm nối với nhau có khối lượng mẫu là 17,58 gam. 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có số “999”, đường kính mặt trong là 1,7 cm, đường kính mặt ngoài là 1,9 cm; bề rộng nhẫn là 3 mm, có khối lượng mẫu là 1,30 gam. 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 49,7 cm, gồm các móc xích dạng dẹp nối với nhau, một đầu của sợi dây chuyền có màu đen đoạn 2,5 cm; khối lượng mẫu là 21,12 gam. 02 (hai) chiếc bông tai hình tròn bằng kim loại, màu vàng-trắng, đều có đường kính 2,4 cm, có tổng khối lượng mẫu là 3,95 gam. 01 (một) chiếc bông tai hình tròn bằng kim loại, màu vàng; có đường kính 1,1 cm, có khối lượng mẫu là 0,41 gam. 01 (một) chiếc bông tai hình tròn bằng kim loại, màu vàng; có đường kính 1,1 cm, có gắn vật hình trái tim bằng kim loại, màu vàng, trên có đính hạt chất màu đỏ có tổng khối lượng mẫu là 0,95 gam (tính cả khối lượng hạt chất màu đỏ). 04 (bốn) phong bì chứa các mẫu vật gửi giám định có in dòng chữ “CÔNG AN TỈNH QUẢNG NAM, CÔNG AN HUYỆN BẮC TRÀ MY”, trên phong bì lần lượt ký hiệu A1, (A2, A3), A4, (A5, A6).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: 01 xe mô tô hai bánh, loại xe Dream, nhãn hiệu HONDA, biển số 76X6-3187, số khung VDPDCG044DP401519, không xác định được số máy. Số tiền 3.800.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ, luật sư Lê Văn A có ý kiến: thống nhất với nội dung truy tố của bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà về tội danh, hành vi phạm tội và mức đề xuất hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ. Bản thân bị cáo Đ sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, là con của liệt sĩ. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại đã gây ra cho người bị hại. Tại phiên toà, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân bị cáo và vợ thường xuyên đau ốm. Đồng thời, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo, phù hợp với hướng dẫn của Toà án nhân dân tối cao. Hiện nay, bị cáo đã lớn tuổi, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo có điều kiện sửa chữa những sai lầm của mình.

Tại phiên toà, bị hại ông Trần Ngọc T đã được bị cáo bồi thường thiệt hại và không yêu cầu gì khác, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nói lời sau cùng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến ngày 11/01/2023, tại nhà ông Trần Ngọc T thuộc thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã 03 lần thực hiện hành vi bán dây chuyền bằng kim loại giả vàng cho ông Trần Ngọc T, chiếm đoạt số tiền là 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*). Đến lần thứ tư vào ngày 14/01/2023, khi bị cáo đang chuẩn bị bán cho ông T một chiếc nhẫn kim loại màu vàng thì bị phát hiện.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu và thẩm tra phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập. Như vậy, bản cáo trạng số 23/CT-VKS-BTM ngày 07 tháng 09 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức được hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng đã lợi dụng sự quen biết, biết được ông Trần Ngọc T tuổi đã cao, có thu nhập từ lương hưu, thường ở nhà một mình và thích đeo dây chuyền nên đã mua 03 sợi dây kim loại màu vàng, đưa ra thông tin gian dối là vàng non và bán cho ông T 03 lần để chiếm đoạt số tiền là 13.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, ngang nhiên, thực hiện tội phạm nhiều lần. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra thì mới có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo phạm đã 03 lần thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với ông Trần Ngọc T, sinh ngày 01/01/1935, 88 tuổi thuộc trường hợp phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên, là các tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g và i khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hối hận và muốn sửa chữa những sai lầm

về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là con của liệt sĩ (cha bị cáo là liệt sĩ Nguyễn X). Mẹ bị cáo tham gia cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì và Bằng khen của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), ông nội của bị cáo tham gia cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, bị cáo là lao động chính trong gia đình, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo về việc đề nghị áp dụng điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là chưa đủ sức răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung, bởi lẽ bị cáo phạm tội nhiều lần, thực hiện hành vi phạm tội đối với người già nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo là không có cơ sở, bởi lẽ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 03 lần (02 lần chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng và 01 lần chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng), các lần phạm tội đều đủ cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Bị cáo Nguyễn Văn Đ không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Các tình tiết khác của vụ án: Đối với lần thực hiện hành vi bán một chiếc nhẫn giả vàng vào ngày 14/01/2023, mặc dù bị cáo có ý định thực hiện hành vi bán nhẫn giả vàng và đã đưa ra thông tin là chiếc nhẫn có khối lượng 05 phân vàng. Tuy nhiên, bị cáo chưa báo giá tiền bán chiếc nhẫn và chưa chiếm đoạt tiền bán chiếc nhẫn này. Đồng thời, vào ngày 12/01/2023, ông T đã dùng bật lửa, đốt thử và biết đây chuyên mà bị cáo đã bán là vàng giả. Đến ngày 14/01/2023, ông T là người chủ động đặt vấn đề mua bán vàng trước. Do đó, hành vi của bị cáo vào ngày 14/01/2023 chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xử lý là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: bị hại ông Trần Ngọc T đã được bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến thu giữ vật chứng và xử lý vật chứng đảm bảo quy định của pháp luật.

[9.1] Đối với 01 (một) phong bì được dán kín; mặt trước phong bì có in dòng chữ “BỘ CÔNG AN VIỆN KHOA HỌC HÌNH SỰ SỐ 169/KL-KTHS”; mặt sau tại mép dán của phong bì niêm phong có hình dấu tròn màu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, chữ ký và tên của Phạm Thị Thu P và Đặng Văn Q; bên trong phong bì chứa các mẫu vật và vỏ bao gói đối tượng giám định

được hoàn trả bao gồm: 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 61 cm, gồm các móc xích dạng hình vuông rộng trung bình 3 mm và 12 móc xích dạng ống trụ tròn dài 8 mm nối với nhau có khối lượng mẫu là 17,25 gam. 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 61 cm, gồm các móc xích dạng hình vuông rộng trung bình 3 mm và 12 móc xích dạng ống trụ tròn dài 8 mm nối với nhau có khối lượng mẫu là 17,58 gam. 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có số “999”, đường kính mặt trong là 1,7 cm, đường kính mặt ngoài là 1,9 cm; bề rộng nhẫn là 3 mm, có khối lượng mẫu là 1,30 gam. 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 49,7 cm, gồm các móc xích dạng dẹp nối với nhau, một đầu của sợi dây chuyền có màu đen đoạn 2,5 cm; khối lượng mẫu là 21,12 gam. 02 (hai) chiếc bông tai hình tròn bằng kim loại, màu vàng-trắng, đều có đường kính 2,4 cm, có tổng khối lượng mẫu là 3,95 gam. 01 (một) chiếc bông tai hình tròn bằng kim loại, màu vàng; có đường kính 1,1cm, có khối lượng mẫu là 0,41 gam. 01 (một) chiếc bông tai hình tròn bằng kim loại, màu vàng; có đường kính 1,1cm, có gắn vật hình trái tim bằng kim loại, màu vàng, trên có đính hạt chất màu đỏ có tổng khối lượng mẫu là 0,95 gam (tính cả khối lượng hạt chất màu đỏ). 04 (bốn) phong bì chứa các mẫu vật gửi giám định có in dòng chữ “CÔNG AN TỈNH QUẢNG NAM, CÔNG AN HUYỆN BẮC TRÀ MY”, trên phong bì lần lượt ký hiệu A1, (A2, A3), A4, (A5, A6), các vật chứng này là công cụ mà bị cáo dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9.2] Đối với 01 (một) xe mô tô hai bánh, loại xe Dream, nhãn hiệu HONDA, biển số 76X6-3187, số khung VDPDCG044DP401519, không xác định được số máy. Đây là xe mô tô hai bánh của bị cáo sử dụng làm phương tiện đi bán hàng dạo. Qua kết quả tra cứu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xác định biển số, số khung mô tô hai bánh nêu trên thuộc hai chủ đăng ký khác nhau. Đối với biển số 76X6-3187 đứng tên đăng ký chủ sở hữu là ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1968. Đại chỉ: thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Vào năm 2019, ông T1 đã bán xe mô tô hai bánh nêu trên cho một người đi mua phết liệu không rõ lai lịch, khi bán xe thì biển số vẫn được gắn trên xe. Đối với số khung VDPDCG044DP401519 đứng tên đăng ký chủ sở hữu là ông Lương Quang H1, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Ông H1 đã bán xe mô tô hai bánh có số khung nêu trên cho cửa hàng G, địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Qua làm việc, ông Nguyễn Văn C1 (chủ cửa hàng G) xác định cửa hàng không lưu lại thông tin mua bán xe máy cũ nên không có thông tin mua bán xe mô tô hai bánh có số khung nêu trên. Do đó, xe mô tô trên thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Văn Đ nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo theo quy định tại điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9.3] Đối với số tiền 3.800.000 đồng, là tài sản của bị cáo nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo theo quy định tại điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa

đổi bổ sung năm 2017 và điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì được dán kín; mặt trước phong bì có in dòng chữ “BỘ CÔNG AN VIỆN KHOA HỌC HÌNH SỰ SỐ 169/KL-KTHS”; mặt sau tại mép dán của phong bì niêm phong có hình dấu tròn màu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, chữ ký và tên của Phạm Thị Thu P và Đặng Văn Q; bên trong phong bì chứa các mẫu vật và vỏ bao gói đối tượng giám định được hoàn trả bao gồm: 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 61 cm, gồm các móc xích dạng hình vuông rộng trung bình 3 mm và 12 móc xích dạng ống trụ tròn dài 8 mm nối với nhau có khối lượng mẫu là 17,25 gam. 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 61 cm, gồm các móc xích dạng hình vuông rộng trung bình 3 mm và 12 móc xích dạng ống trụ tròn dài 8 mm nối với nhau có khối lượng mẫu là 17,58 gam. 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có số “999”, đường kính mặt trong là 1,7 cm, đường kính mặt ngoài là 1,9 cm; bề rộng nhẫn là 3 mm, có khối lượng mẫu là 1,30 gam. 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 49,7 cm, gồm các móc xích dạng dẹp nối với nhau, một đầu của sợi dây chuyền có màu đen đoạn 2,5 cm; khối lượng mẫu là 21,12 gam. 02 (hai) chiếc bông tai hình tròn bằng kim loại, màu vàng-trắng, đều có đường kính 2,4 cm, có tổng khối lượng mẫu là 3,95 gam. 01 (một) chiếc bông tai hình tròn bằng kim loại, màu vàng; có đường kính 1,1 cm, có khối lượng mẫu là 0,41 gam. 01 (một) chiếc bông tai hình tròn bằng kim loại, màu

vàng; có đường kính 1,1 cm, có gắn vật hình trái tim bằng kim loại, màu vàng, trên có đính hạt chất màu đỏ có tổng khối lượng mẫu là 0,95 gam (tính cả khối lượng hạt chất màu đỏ). 04 (bốn) phong bì chứa các mẫu vật gửi giám định có in dòng chữ “CÔNG AN TỈNH QUẢNG NAM, CÔNG AN HUYỆN BẮC TRÀ MY”, trên phong bì lần lượt ký hiệu A1, (A2, A3), A4, (A5, A6).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh, loại xe Dream, nhãn hiệu HONDA, biển số 76X6-3187, số khung VDPDCG044DP401519, không xác định được số máy. Số tiền 3.800.000 đồng (*Ba triệu, tám trăm nghìn đồng*) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My theo biên bản giao nhận ngày 20/09/2023 và giấy uỷ nhiệm chi ngày 18/9/2023).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/12/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Cơ quan CSĐT huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Hải

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tuấn Sơn Trần Văn T2

Lê Thanh H2

